

Bản án số: 47/2025/HS-PT

Ngày: 13-01-2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lượng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 948/2024/TLPT-HS ngày 15 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Nhịn Thế P do có kháng cáo của bị cáo Nhịn Thế P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Với điểm cầu trung tâm tại Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bị cáo có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị: Nhịn Thế P, sinh năm 1977 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; địa chỉ thường trú: Số A, đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nhịn Dịch H (sinh năm 1932) và bà Chu Thị V (sinh năm 1946); là con thứ ba trong gia đình có 06 anh chị em; chung sống như vợ chồng với ông Châu Quốc T (sinh năm 1976); có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam ngày 20/11/2023, đến ngày 30/01/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Võ Thanh K, là Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhịn Thế P là con gái của ông Nhịn Dịch H (sinh năm 1932) và bà Chu Thị V (sinh năm 1946) cùng trú tại số: 105/66, đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. P biết ông, bà H - V đang muốn bán một phần diện tích trong thửa đất số 44, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.358,1m² tại phường T, thành phố V, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) số BS 376604 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 11/9/2014 đứng tên ông/bà H – V. Bản thân P hoàn toàn không có quyền chuyển nhượng, định đoạt đối với thửa đất, nhưng do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên P đã cung cấp thông tin gian dối là P có quyền chuyển nhượng thửa đất với giá rẻ. Tin tưởng là thật nên nhiều người đã giao tiền cho P để nhận chuyển nhượng một phần diện tích trong thửa đất mà không biết thực chất đã bị P lừa dối để chiếm đoạt.

Cụ thể:

- Lừa dối chiếm đoạt 850 triệu đồng của bà Nguyễn Thị H1:

Tháng 8/2017, P biết ông/bà H - V đang muốn bán một phần đất 80m² trong sổ đỏ số BS 376604 nên dùng thủ đoạn gian dối tự ý chào bán phần đất này cho bà H1 với giá 350 triệu đồng. Tin tưởng là thật nên bà H1 đồng ý mua và giao cho P 170 triệu đồng để đặt cọc nhận chuyển nhượng mà không biết thực chất đã bị P lừa dối chiếm đoạt.

Đến năm 2018, khi ông/bà H – Vy làm thủ tục chuyển nhượng 80m² đất nêu trên cho ông Phạm Tiến D và làm thủ tục tách thửa, đổi sổ thành sổ đỏ mới có số CO 823141 thửa đất số 59, tờ bản đồ số 22, diện tích 727,7 m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/10/2018, thì bà H1 mới biết sự việc và đòi P trả lại tiền cọc 170 triệu đồng. Do muốn chiếm đoạt thêm tiền nên P gian dối đưa cho bà H1 bản photocopy sổ đỏ số CO 823141 và hứa hẹn sẽ bán cho bà H1 phần đất khác có diện tích 100m² trong sổ đỏ này với giá 850 triệu đồng và yêu cầu bà H1 phải đặt cọc thêm tiền. Tin tưởng là thật nên bà H1 giao cho P 380 triệu đồng và được P hướng dẫn viết lại giấy đặt cọc đất nhưng ghi lùi ngày lại thành ngày 18/9/2017 (thời điểm nhận cọc 170 triệu đồng) có nội dung P đã nhận 550 triệu đồng đặt cọc và hứa hẹn khi bà H1 giao đủ tiền thì P sẽ đưa hợp đồng chuyển nhượng đất cho ông/bà H - V ký mà không biết thực chất đã bị P lừa dối chiếm đoạt.

Ngày 13/5/2021, bà H1 giao thêm 230 triệu đồng thì P giả mạo chữ ký của ông H và bà V trên giấy nhận tiền đất đề ngày 13/5/2021. Ngày 14/10/2021, bà H1 giao thêm 70 triệu đồng thì P giao cho bà H1 giấy viết tay Hợp đồng chuyển nhượng đất đề ngày 15/10/2017 giả mạo chữ ký của ông/bà H – V và chị Nhịn Say M (sinh năm 1967, chị ruột của P).

Như vậy, với thủ đoạn gian dối nêu trên, P đã nhiều lần chiếm đoạt tổng số 850 triệu đồng của bà H1, và đã tiêu xài cá nhân hết.

- *Lừa dối chiếm đoạt 290 triệu đồng của ông, bà Bùi Quang C - Trần Thị N:*

Đầu tháng 7/2021, cũng với thủ đoạn gian dối như trên, P gian dối chào bán một phần đất 100 m² trong sổ đỏ số CO 823141 cho ông/bà C - N với giá 1,2 tỷ đồng. Tin tưởng là thật nên ông/bà C - N đã đặt cọc 70 triệu đồng cho P mà không biết thực chất đã bị P lừa dối chiếm đoạt.

Tiếp đến, P giả mạo chữ ký của bà V, chị M trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 09/7/2021 (mẫu đánh máy được viết tay nội dung) giao cho ông/bà C – N ký và yêu cầu giao thêm tiền để làm thủ tục chuyển nhượng đất. Tưởng thật nên khoảng 01 tuần sau, ông/bà C - N gọi P đến nhà và giao thêm 130 triệu đồng tiền mua đất mà không biết thực chất đã bị P lừa dối chiếm đoạt.

Sau đó, với thủ đoạn tương tự, P nhiều lần chiếm đoạt thêm tiền của ông/bà C - N, cụ thể:

- Ngày 01/12/2021, bà N chuyển cho P 30 triệu đồng từ tài khoản ngân hàng P1 số 109000117184 tên TRAN THI NHAN của bà N đến tài khoản ngân hàng A số 16045557 tên NHIN THE PHUONG. P đã viết vào mặt sau Hợp đồng chuyển nhượng đất đề ngày 09/7/2021 nội dung “Hôm nay ngày 01/12/2021 nhận tiền đất đợt 2 số tiền 30.000.000 đồng” và ký nhận.

- Ngày 06/12/2021 bà N chuyển khoản cho P 20 triệu đồng; ngày 28/12/2021 chuyển tiếp 20 triệu đồng. P viết vào mặt sau Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 09/07/2021, nội dung “Ngày 28/12/2021 có nhận của cọc thêm đợt 3 số tiền 40 triệu đồng chẵn” và ký nhận.

- Ngày 29/01/2022 bà N tiếp tục chuyển khoản cho P 20 triệu đồng.

Như vậy, với thủ đoạn gian dối nêu trên, P đã nhiều lần chiếm đoạt tổng số 290 triệu đồng của ông/bà C – N, và đã tiêu xài cá nhân hết.

* Kết quả giám định:

Kết luận giám định số 11/KL-KTHS-TL ngày 10/02/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định:

“+ Chữ ký mang tên Nhịn Dịch H trên các tài liệu: Giấy nhận tiền đất đề ngày 13/05/2021, Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 09/07/2021 là chữ ký do ông Nhịn Dịch H ký ra.

+ Chữ ký mang tên Nhịn Dịch H trên các tài liệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 15/10/2017 không đủ cơ sở để kết luận có phải do ông Nhịn Dịch H ký ra hay không.

+ Chữ ký mang tên Nhịn Say M trên các tài liệu: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 15/10/2017, Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 09/07/2021 không phải chữ ký do Nhịn Say M ký ra.

+ Chữ ký mang tên Nhịn Thế P trên các tài liệu: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 15/10/2017, Giấy nhận tiền đất đề ngày 13/05/2021, Giấy đặt cọc đất đề ngày 18/09/2017, Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 09/07/2021 và các nội dung nhận tiền đặt cọc trên Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 09/07/2021 là do Nhịn Thế P viết và ký ra. Chữ viết xác nhận về nội dung nhận tiền đặt cọc trong Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 09/07/2021 do Nhịn Thế P viết ra”.

Ông H không đồng ý với Kết luận giám định số 11/KL-KTHS-TL nêu trên. Kết luận giám định số 44/KL-KTHS-TL ngày 31/05/2023 của Phòng K1 công an tỉnh B, kết luận:

“+ Chữ ký mang tên Nhịn Dịch H trên tài liệu: “Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đề ngày 09/07/2021 là chữ ký do ông Nhịn Dịch H ký ra.

+ Chữ ký mang tên Nhịn Dịch H trên các tài liệu: “Giấy nhận tiền đất” đề ngày 13/05/2021 không đủ cơ sở để kết luận có phải do ông Nhịn Dịch H ký ra hay không.

+ Chữ ký mang tên Nhịn Dịch H trên tài liệu: “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đề ngày 15/10/2017 là do Nhịn Thế P ký ra”.

Quá trình điều tra, bị cáo Nhịn Thế P đã khai nhận hành vi của bản thân như đã nêu trên và công nhận kết quả điều tra, công nhận kết quả giám định. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ về bối cảnh và diễn biến sự việc cũng như số tiền chiếm đoạt.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tuyên xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nhịn Thế P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt:

Bị cáo Nhịn Thế P 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được khấu trừ thời gian giam giữ từ ngày 20/11/2023 đến ngày 30/01/2024.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, bị cáo Nhịn Thế P có đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nhịn Thế P vắng mặt nên không có lời trình bày.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định. Bị cáo Nhịn Thế P đã được triệu tập hợp lệ lần hai. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bị cáo.

Về nội dung: Việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Nhịn Thế P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan. Xét thấy tại phiên tòa bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được các tình tiết giảm nhẹ nào đặc biệt mới. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày tranh luận: Thống nhất với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo. Tuy nhiên, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau:

Bị cáo hiện nay bị bệnh không thể nói chuyện và đến Tòa theo thư triệu tập được. Về nội dung đề nghị phải có mặt bị hại H1 và triệu tập ông H, bà V để làm rõ hành vi lừa đảo của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Bị hại H1 biết rõ phần đất giao dịch chuyển nhượng với bị cáo là do ông H, bà V đứng tên và hợp đồng vẫn chưa công chứng, chứng thực nên chưa hợp pháp. Trước đây, bà H1 vẫn từng chuyển nhượng thành công một lần với ông H, bà V nên không thể nói bị cáo lừa đảo bà H1 được mà đây chỉ là giao dịch dân sự bị vô hiệu hoặc nếu bị cáo phạm tội thì có dấu hiệu của tội “Sử dụng trái phép tài sản”. Mặt khác, trường hợp của bị hại H1, xét bị cáo không gây nguy hiểm cho xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để triệu tập bà H1 làm rõ hành vi của bị cáo có lừa đảo bà H1 hay không. Đối với trường hợp bị cáo lừa dối ông, bà C, N thì hành vi đã rõ nên không có ý kiến về vấn đề này. Nếu Hội đồng xét xử không triệu tập bà H1 mà vẫn xét xử, luật sư đề nghị xem xét bị cáo không lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà H1 nên cần giảm mức án đối với bị cáo. Ngoài ra bị cáo hiện đang bị bệnh, không thể nói chuyện được, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 20 tháng 8 năm 2024, bị cáo Nhịn Thế P có đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với nội dung xin giảm hình phạt. Xét đơn kháng cáo của bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định nên được xem xét, xét xử theo thủ tục phúc thẩm quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vắng mặt. Luật sư của bị cáo xuất trình các toa vé khám chữa bệnh của bị cáo Nhịn Thế P với chẩn đoán Hội chứng cường giáp, được chỉ định điều trị ngoại trú. Ngoài ra, luật sư yêu cầu phải có mặt bị hại Nguyễn Thị H1 và ông Nhịn Dịch H (cha của bị cáo) để làm rõ hành vi của bị cáo có lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà H1 hay không, nên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa với các lý do trên.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Nhịn Thế P được chẩn đoán bệnh Hội chứng cường giáp, được chỉ định điều trị ngoại trú; phiên tòa đã được mở lần hai. Bị cáo đã có lời khai nhận tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; bị hại và ông H cũng đã có nhiều lời khai thống nhất có trong hồ sơ vụ án, không mâu thuẫn. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự ‘... Nếu sự vắng mặt của bị cáo vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan và sự vắng mặt đó không gây trở ngại cho việc xét xử thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.’. Từ đó Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa, vẫn tiến hành phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác, các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã có căn cứ xác định nội dung vụ án như sau:

Nhịn Thế P hoàn toàn không có quyền định đoạt, chuyển nhượng thửa đất số 59 tờ bản đồ số 22 diện tích 727,7 m² tọa lạc tại phường T, thành phố V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 823141 đứng tên cha mẹ của bị cáo là ông/bà Nhịn D - Chu Thị V, nhưng dùng thủ đoạn tạo dựng thông tin gian dối là mình có toàn quyền chuyển nhượng thửa đất trên, giả mạo chữ viết, chữ ký của chủ đất để chào bán một phần diện tích giá rẻ, khiến bà Nguyễn Thị H1 và vợ chồng ông/bà Bùi Quang C - Trần Thị N tin tưởng là thật, giao tiền nhận chuyển nhượng đất cho P, và bị P chiếm đoạt tổng số 1,14 tỷ đồng, gồm 850 triệu đồng của bà H1, 290.000.000 đồng của ông/bà C - N.

[2.2] Như vậy, để có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ. Bị cáo P đã lợi dụng cha, mẹ bị cáo có quyền sử dụng thửa đất số 59, tờ bản đồ số 22 và lợi dụng sự tin tưởng

của các bị hại về việc bị cáo có quyền chuyển nhượng; từ đó giả mạo chữ ký, chữ viết của chủ đất, nhiều lần nhận tiền đặt cọc để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Bị cáo biết rằng bị cáo không có quyền năng đối với phần đất nêu trên nhưng vẫn thông tin gian dối với mục đích chiếm đoạt tiền tiêu xài, trả nợ. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nhịn Thế P đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Với số tiền chiếm đoạt của hai bị hại là 1.140.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng giao dịch giữa bị cáo và bị hại Hiên là giao dịch dân sự vô hiệu, nhưng như đã phân tích trên bị cáo không có quyền định đoạt phần đất nêu trên và khi bà H1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đặt cọc lần đầu bị cáo không trả lại mà cố tình thông tin gian dối chuyển nhượng phần đất khác cho bà H1 và tiếp tục nhận thêm tiền của bà H1 lần hai, chứng tỏ bị cáo quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng, mục đích chiếm đoạt bằng được tiền của bị hại chứ không phải là giao dịch dân sự vô hiệu như luật sư trình bày.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Là công dân trưởng thành, phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, bị cáo nhận thức rõ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản là khách thể được pháp luật bảo vệ, phải tôn trọng; mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo phạm tội nhiều lần, nhiều người, với số tiền lớn, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Khi bị phát hiện, bị cáo dây dưa, không chịu trả tiền đã chiếm đoạt, còn thách thức bị hại tố cáo đến cơ quan bảo vệ pháp luật, gây ảnh hưởng xấu cho an ninh trật tự xã hội, gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Với số tiền chiếm đoạt 1.140.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo mức án khởi điểm là có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

[4] Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào đặc biệt mới nên không có căn cứ giảm hình phạt cho bị cáo. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nhịn Thế P về việc xin giảm hình phạt.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1. Tuyên bố bị cáo Nhịn Thế P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nhịn Thế P.

Xử phạt: Bị cáo Nhịn Thế P 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20 tháng 11 năm 2023 đến ngày 30 tháng 01 năm 2024.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nhịn Thế P chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Trại tạm giam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Tâm Tú